ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 100/KH-UBND	*Vĩnh Thông, ngày 06 tháng 4 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về "Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông

Thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về việc phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 *(sau đây viết tắt là Đề án số 22-ĐA/TU)*; Kế hoạch số 68-KH/ĐU ngày 27/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Vĩnh Thông về thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Vĩnh Thông; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 25/3/2026 của UBND xã Vĩnh Thông về triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Vĩnh Thông.

UBND xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, theo hướng 5 rõ "rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời gian" để thúc đẩy, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ năm đầu triển khai Đề án 22-ĐA/TU.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền xã; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; đồng thời tăng cường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Gắn mục tiêu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của xã.

2. Yêu cầu

- Nội dung Kế hoạch phải bảo đảm bám sát định hướng, chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Đề án 22-ĐA/TU, đồng thời phù hợp với yêu cầu, thực tiễn của xã; ưu tiên bố trí, sử dụng hợp lý các nguồn lực theo phân cấp để phát triển hạ tầng, dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương; bảo đảm theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả quá trình triển khai.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã phải nhận thức rõ trách nhiệm, nắm vững nhiệm vụ, trực tiếp theo dõi, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng chậm trễ. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ và hiệu quả triển khai để kịp thời chỉ đạo, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, yêu cầu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Đề án 22-ĐA/TU với phương châm: "Hành động đột phá, lan tỏa kết quả"; chuyển từ giai đoạn "Khởi động, chạy đà" sang giai đoạn "tăng tốc"; chuyển từ cách làm theo kế hoạch sang cách làm theo mục tiêu và sản phẩm; từ báo cáo tiến độ sang báo cáo hiệu quả; từ "có làm" sang "làm đến nơi đến chốn". Qua đó thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Vĩnh Thông phát triển mạnh mẽ.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về phát triển hạ tầng số

Tỷ lệ phủ sóng 4G trên địa bàn xã đạt 90%; tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 80%; bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số ở cấp xã: 100% cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

2.2. Về phát triển nguồn lực

Phấn đấu bố trí kinh phí phù hợp trong dự toán ngân sách xã cho các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo định hướng của tỉnh; 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức xã làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành; 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, nông nghiệp, lâm nghiệp.

2.3. Về phát triển khoa học, công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống Nhân dân trên địa bàn xã; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, quản lý môi trường và xây dựng

nông thôn mới; phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn áp dụng các quy trình, công nghệ mới, công nghệ cao phù hợp vào sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn xã trong việc đăng ký, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cấp trên giao, bảo đảm việc áp dụng kết quả khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế.

2.4. Về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh áp dụng các ý tưởng, mô hình, giải pháp mới trong sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, đổi mới quy trình sản xuất, phương thức quản lý nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động; phối hợp triển khai các chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo do cấp trên tổ chức; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các mô hình đổi mới sáng tạo hiệu quả, phù hợp với điều kiện của xã.

2.5. Phát triển chuyển đổi số

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã; góp phần nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh theo kế hoạch; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến; 80% giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc"; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ trực tuyến; 100% tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%; 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số; 100% người dân sử dụng điện thoại thông minh có hồ sơ sức khỏe điện tử; cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.

2.6. Về an toàn, an ninh mạng

Bảo đảm an toàn, an ninh không gian mạng và bảo vệ dữ liệu trên địa bàn xã; 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và được kiểm tra, đánh giá theo quy định. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong giám sát, phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn thông tin; bảo đảm các hệ thống thông tin của xã được vận hành an toàn, ổn định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 204-

QĐ/TW ngày 29/11/2024; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025; Đề án 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025; Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 15/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026; Kế hoạch số 68-KH/ĐU ngày 27/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Vĩnh Thông về thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Vĩnh Thông; hệ thống các văn bản có liên quan trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.2. Phát huy vai trò điều phối liên ngành của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã; giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị theo mô hình nhiệm vụ có "địa chỉ - thời hạn - sản phẩm - giám sát".

1.3. Cần lựa chọn, xác định cụ thể mô hình phát triển dựa trên chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, đặc thù, tiềm năng và thế mạnh của xã để chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo hai hướng song song: (i) Tập trung vào phát huy lợi thế đặc thù, khai phá tiềm năng và củng cố thế mạnh của xã; (ii) Mở ra không gian phát triển, không gian tăng trưởng mới cho xã. Việc triển khai dựa trên nguyên tắc "AI First" trong mọi hoạt động.

1.4. Tăng cường chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính; tinh gọn bộ máy, vận hành có hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phát triển các ứng dụng, nền tảng, sản phẩm số cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Phối hợp hoàn thiện cơ chế, chính sách

2.1. Chủ động rà soát các quy định, cơ chế, chính sách có liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được áp dụng trên địa bàn xã; kịp thời tổng hợp, đề xuất với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số. Tập trung kiến nghị tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Phối hợp tuyên truyền, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của xã, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, thủ tục hành chính và môi trường đầu tư để thu hút các doanh

nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số đến tìm hiểu, đầu tư trên địa bàn xã theo định hướng, quy hoạch và chủ trương của cấp trên.

2.3. Phối hợp triển khai các cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, khoán chi đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn xã.

2.4. Ưu tiên bố trí, sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo phân cấp để bảo đảm các điều kiện thiết yếu cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức của xã.

2.5. Tiếp tục rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã; tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức trong hoạt động liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; giảm thời gian xử lý hồ sơ; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực theo thẩm quyền.

2.6. Thực hiện đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; phối hợp, tham gia các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do cấp có thẩm quyền triển khai khi có đủ điều kiện. Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân và các hoạt động khác phù hợp với mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

3.1. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường. Từng bước hạn chế các hoạt động sản xuất sử dụng công nghệ lạc hậu, năng suất thấp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

3.2. Định hướng, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất trên địa bàn xã tiếp cận, ứng dụng các nhóm công nghệ chiến lược theo định hướng của tỉnh, trong đó ưu tiên 05 nhóm công nghệ chiến lược gồm: (1) Công nghệ đồ hoạ số; (2) Công nghệ phần mềm & AI ứng dụng; (3) Công nghệ tự động hoá - robot; (4) Công nghệ thiết bị bay không người lái; (5) Công nghệ và hệ sinh thái IoT).

3.3. Tập trung tuyên truyền, phổ biến, tạo môi trường thuận lợi để phát triển hoạt động khoa học và công nghệ gắn với chuyển đổi số trên địa bàn xã; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh và đời sống. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, sử dụng hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo quy định.

3.4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường phối hợp, tham gia các hoạt động hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền; khuyến khích sự liên kết giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp trong phạm vi điều kiện của địa phương. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong việc tuyên truyền, giới thiệu, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn xã tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh và đời sống.

3.5. Chỉ đạo triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành, nghề mũi nhọn của tỉnh theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; làm cơ sở để định hướng, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn xã tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh.

3.6. Triển khai các hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo định hướng của cấp có thẩm quyền; khuyến khích sự hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục, đào tạo trong phạm vi điều kiện của địa phương. Tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn xã tham gia các chương trình, hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; tạo điều kiện để các sản phẩm đổi mới sáng tạo từng bước được ứng dụng, tiêu thụ trên địa bàn xã.

3.7. Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn xã tham gia hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Chú trọng hỗ trợ các hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong sản xuất, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm; khuyến khích áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ và các mô hình sản xuất phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hóa trên địa bàn xã.

3.8. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn xã ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, hữu cơ; hỗ trợ triển khai việc gắn tem truy xuất nguồn gốc sản

phẩm, cung cấp thông tin về quy trình sản xuất, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc trên môi trường số. Phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ đối với các sản phẩm OCOP trên địa bàn xã; khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong quản lý, truy xuất nguồn gốc, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần tối ưu hóa chi phí và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

3.9. Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã ứng dụng thương mại điện tử trong quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế, tiềm năng của địa phương. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của xã, trọng tâm là nông nghiệp, lâm nghiệp, cộng đồng, giáo dục, y tế cơ sở; phối hợp triển khai các nội dung chuyển đổi số trong các lĩnh vực khác theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Ưu tiên phối hợp triển khai, tiếp nhận và ứng dụng các kết quả, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, trọng tâm là lĩnh vực nông nghiệp. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa và các giải pháp công nghệ phù hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm. Phối hợp triển khai các giải pháp khoa học, công nghệ trong bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giáo dục và đào tạo tại cơ sở theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3.11. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã trên địa bàn xã trong việc đăng ký, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong việc xây dựng, quản lý và phát triển các nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý gắn với vùng nguyên liệu, địa danh và giá trị văn hóa bản địa theo quy định.

3.12. Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn xã tham gia các hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với phát triển tài sản trí tuệ; tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác và ứng dụng sáng chế, giải pháp hữu ích phù hợp nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, phát triển thương hiệu và nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.13. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã theo quy định. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao tính minh bạch, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

3.14. Phối hợp tổ chức triển khai và lồng ghép thực hiện các chương trình, kế hoạch hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng dẫn của các sở, ngành cấp tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã nâng cao năng lực bảo đảm đo lường, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường.

3.15. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh triển khai các nội dung về phát triển tín chỉ carbon; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân, hợp tác xã trên địa bàn xã tham gia các hoạt động giảm phát thải, bảo vệ môi trường, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với hấp thụ carbon theo quy định.

4. Phát triển hạ tầng số

4.1. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số của xã giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm đồng bộ, khả thi, hiện đại, an toàn, an ninh và có tính dự phòng cao; tạo nền tảng thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

4.2. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh và doanh nghiệp viễn thông trong việc triển khai phát triển hạ tầng kết nối băng rộng trên địa bàn xã; rà soát, đề xuất xử lý các khu vực lõm sóng, trắng sóng, bảo đảm phủ sóng thông tin, viễn thông phục vụ Nhân dân và yêu cầu chuyển đổi số. Tổ chức tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư, nâng cấp hạ tầng số tại địa phương, góp phần thu hẹp khoảng cách số và nâng cao mặt bằng chuyển đổi số trên địa bàn xã.

4.3. Ưu tiên phối hợp triển khai phát triển hạ tầng số tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn xã như: khu hành chính, khu sản xuất, kinh doanh tập trung, bảo đảm tính kết nối, liên thông và đồng bộ trong khai thác, sử dụng. Thúc đẩy việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số gắn với các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện có nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trong việc phát triển, củng cố hạ tầng viễn thông, nhất là trạm BTS kiên cố, bền vững tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trên địa bàn xã.

4.4. Rà soát, đề xuất bố trí quỹ đất phù hợp trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã theo quy định để phục vụ phát triển hạ tầng số và các công trình công nghệ thông tin khi có yêu cầu; phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong việc cung cấp thông tin, đề xuất vị trí, tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm phù hợp với quy hoạch cấp trên và các định hướng, chiến lược phát triển của Trung ương và của tỉnh.

4.5. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các khu dân cư, vùng lõm sóng, sóng yếu bảo đảm người dân được tiếp cận hạ tầng số cơ bản. Nâng cấp, mở rộng đường truyền tốc độ cao cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, cơ sở y tế, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

4.6. Đối với các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ phục vụ hoạt động chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, có trách nhiệm đánh giá, ưu tiên lựa chọn mô hình triển khai trên nền tảng điện toán đám mây theo nguyên tắc hiệu quả, tối ưu hóa nguồn lực, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, khả năng mở rộng và phù hợp với tính chất của hệ thống thông tin, mức độ nhạy cảm của dữ liệu.

4.7. Phối hợp triển khai, sử dụng các hệ thống hạ tầng số, nền tảng số dùng chung do cấp trên đầu tư, quản lý; thực hiện nghiêm các quy định về chia sẻ, khai thác, sử dụng hạ tầng số theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4.8. Phối hợp triển khai, cập nhật và khai thác các cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo phân cấp; tổ chức cập nhật, bổ sung, chuẩn hóa dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Ưu tiên các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, các dịch vụ liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4.9. Đưa các hoạt động của chính quyền xã lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

4.10. Phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS…) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Triển khai các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

5.1. Triển khai, vận hành hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số trong hoạt động của cơ quan và cung cấp dịch vụ công. Thực hiện cung cấp, công khai thông tin kịp thời cho người dân, doanh nghiệp thông qua trang thông tin điện tử theo quy định.

5.2. Tổ chức triển khai, sử dụng các nền tảng số phục vụ điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu trong hoạt động của chính quyền xã theo phân cấp. Thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định và theo yêu cầu phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền. Tạo lập và vận hành các kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền xã trên các nền tảng số phù hợp; từng bước triển khai các giải pháp phục vụ tiếp dân trực tuyến và đăng ký lịch trực tuyến trên các nền tảng ứng dụng khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân, doanh nghiệp.

5.3. Từng bước tiếp cận, sử dụng các công cụ, giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác dự báo, xây dựng báo cáo và ra quyết định trong hoạt động của chính quyền xã, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước ở cơ sở.

5.4. Tổ chức cập nhật, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như dân cư, đất đai, doanh nghiệp… theo phân cấp trên các nền tảng số dùng chung do cấp có thẩm quyền triển khai; thực hiện cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định để phục vụ kết nối, liên thông với hệ thống của tỉnh và Trung ương. Hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu trong phạm vi quản lý; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý nhà nước.

5.5. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã tiếp cận, tham gia các nền tảng số do Trung ương, tỉnh và các doanh nghiệp cung cấp nhằm kết nối với nhà cung cấp giải pháp công nghệ, chuyên gia, cơ sở nghiên cứu, đào tạo. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hoạt động giới thiệu, chia sẻ các giải pháp, mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số hiệu quả; từng bước hình thành môi trường chia sẻ tri thức, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

5.6. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn xã tham gia các chuỗi cung ứng số, sàn thương mại điện tử và nền tảng số trong nước; từng bước tiếp cận, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các nền tảng số theo quy định.

5.7. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử xã nhằm hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với thị trường trong và ngoài nước; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, góp phần phát triển kinh tế số ở địa phương.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức xã về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quan tâm phát hiện, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực có năng lực, trình độ, kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Phối hợp triển khai các chính sách của tỉnh về thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

6.2. Phối hợp triển khai các chương trình, kế hoạch của cấp trên về đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo, gắn với nhu cầu thực tế; tạo điều kiện để người lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã tham gia các chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng về cải tiến năng suất, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định.

6.3. Tham gia rà soát, cập nhật, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng dẫn của cấp trên; tạo điều kiện thuận lợi để kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực ở địa phương.

6.4. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục đẩy mạnh triển khai nền tảng "Bình dân học vụ số", tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, kỹ năng số, … trên nền tảng "Bình dân học vụ số" cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh.

6.5. Nâng cao vai trò hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, xác định đây là lực lượng nòng cốt, có vai trò "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để tăng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả chuyển đổi số ở cấp cơ sở; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống camera giám sát tại xã.

7.2. Phân công cán bộ phụ trách theo dõi, giám sát, cảnh báo sớm và phối hợp ứng cứu sự cố an ninh mạng; chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên khi xảy ra sự cố.

7.3. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp trên về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ thông tin quan trọng của tổ chức, cá nhân trên môi trường số.

7.4. Định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đang sử dụng; cử cán bộ tham gia các hoạt động diễn tập, tập huấn về phòng, chống, ứng phó sự cố an ninh mạng theo kế hoạch chung của tỉnh.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

8.1. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong việc triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

8.2. Tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; tạo điều kiện để cán bộ, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tiếp cận các xu hướng, mô hình, giải pháp công nghệ mới, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ số, công nghệ xanh phù hợp với điều kiện của xã.

8.3. Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã tiếp cận, tham gia các chương trình, dự án chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ theo định hướng của tỉnh và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, trong đó chủ yếu là ngân sách xã; đồng thời lồng ghép, sử dụng hiệu quả

các nguồn ngân sách hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh theo các chương trình, dự án, nhiệm vụ được giao.

- Huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân trên địa bàn xã và các nguồn tài trợ, hỗ trợ theo quy định của pháp luật để tham gia triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Là đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì tham mưu các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của cấp xã; công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho cán bộ và Nhân dân.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, cuối năm (hoặc đột xuất), tổng hợp, báo cáo về tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này gửi Sở Khoa học và Công nghệ và báo cáo (6 tháng, cuối năm) về Ban Thường vụ Đảng ủy xã theo quy định; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tham mưu Ủy ban nhân dân xã trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch. Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo.

3. Phòng Kinh tế xã

Tham mưu bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành. Tham mưu triển khai các nội dung liên quan khi thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực kinh tế, đầu tư, xây dựng, nông nghiệp, môi trường có yếu tố ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo thẩm quyền. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số của cơ quan nhà nước.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ sở. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, AI trong hoạt động thông tin, truyền thông.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch. Tham gia giám sát việc triển khai các nội dung của Kế hoạch tại cộng đồng dân cư.

7. Công an xã

- Tham mưu UBND xã triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn.

- Phối hợp rà soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao cảnh giác trước các hành vi lừa đảo qua mạng, chiếm đoạt tài sản, xâm phạm dữ liệu cá nhân.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) và các tiện ích phục vụ dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp cập nhật, làm sạch dữ liệu dân cư bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống".

8. Các thôn trên địa bàn xã

Bí thư chi bộ, Trưởng thôn tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch tại khu dân cư. Vận động Nhân dân tham gia ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong đời sống, sản xuất.

9. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc UBND xã, định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, cuối năm (hoặc đột xuất), báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND xã *(qua Phòng Văn hóa - Xã hội)* để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã và Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về "Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông./.

Nơi nhận:
** Gửi bản điện tử:*
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã;
- Công an xã;

** Gửi bản giấy:*
- Các thôn trên địa bàn xã
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH THÔNG T. THÁI NGUYÊN

Nguyễn Đức Chung

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 00 /KH-UBND ngày 06/4/2026 của UBND xã Vĩnh Thông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	**Phát triển hạ tầng**			
1.	Tỷ lệ phủ sóng 4G trên dân số	%	90	Phòng Văn hóa - Xã hội
2.	Người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
3.	Bảo đảm hạ tầng internet cáp quang đến các thôn	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
4.	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	%	100	Các cơ quan, đơn vị
II	**Phát triển nguồn lực**			
5.	Cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
6.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	Các cơ quan, đơn vị
7.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, ngân hàng	%	80	Phòng Văn hóa - Xã hội
III	**Phát triển chuyển đổi số**			
8.	Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
9.	Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	80	Trung tâm Phục vụ hành chính công
10.	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
12.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
13.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
14.	Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
15.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
16.	Người dân có điện thoại thông minh được cài đặt, sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử;	%	100	Trạm y tế xã
17.	Cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.	%	100	Công an xã

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 190 /KH-UBND ngày 06 /4/2026 của UBND xã Vĩnh Thông)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc	Các cơ quan, đơn vị	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý II năm 2026
2	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Từ quý II đến quý III năm 2026
3	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh cấp xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND xã	Quý III năm 2026
4	Ứng dụng công nghệ, AI, IoT trong nông nghiệp (thí điểm 01 mô hình, sau đó nhân rộng): tưới tiêu thông minh, quản lý nguồn nước, phòng trừ sâu bệnh, quản lý dinh dưỡng trong đất; gắn với sản phẩm nào thì sẽ lựa chọn phạm vi phù hợp	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III năm 2026
5	Xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc)	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III năm 2026
6	Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị cho Trung tâm hành chính công cấp xã.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III năm 2026

7	Số hóa ít nhất 01 di tích trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV năm 2026
8	Xây dựng bản đồ số di tích trên địa bàn xã Vĩnh Thông	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV năm 2026
9	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mô hình Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội; các xóm	Năm 2026
10	100% sản phẩm OCOP được quảng bá và bán trên một trong các sàn thương mại điện tử (shopee, lazada, TikTok Shop…) hoặc website	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV năm 2026
11	Thực hiện kiểm tra qua môi trường số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026
12	Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống camera giám sát tại xã	Công an xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026